

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/3/2014, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã tiến hành trích lập quỹ dự phòng tài chính đối với các khoản phải thu với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ hoạt động của Công ty với số tiền khoảng 256 triệu đồng. Việc trích lập này chưa đầy đủ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Các chi phí liên quan đến công trình Dự án Silver Sea Tower đang được tập hợp trên khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" với số dư tại ngày 31/12/2013 là 187 tỷ đồng. Tại thời điểm lập Báo cáo này, do công trình đang trong giai đoạn hoàn thành chưa được quyết toán nên Ban Giám đốc Công ty chưa xác định được chính xác giá thành công trình. Ngoài ra, trong năm 2012, Công ty đã kết chuyển một phần sản phẩm văn phòng đã được Công ty đưa vào sử dụng và các trang thiết bị kèm theo vào khoản mục "Tài sản cố định". Giá trị của sản phẩm văn phòng được đưa vào sử dụng và các trang thiết bị cũng đang được xác định trên cơ sở tạm tính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Công ty đang tiến hành hạch toán doanh thu và giá vốn đối với công trình "Gói thầu số 9: Đoạn từ Dương Đông đến Bãi Thơm thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường trục Nam - Bắc đảo Phú Quốc" và công trình "Gói thầu số 5: Xây dựng cầu và đường nối từ quốc lộ 51 đến cảng Cái Mép thuộc dự án phát triển cảng quốc tế Cái Mép – Thị Vải" dựa trên cơ sở ước tính do công trình đang trong giai đoạn dở dang. Việc ước tính như trên là chưa phù hợp quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các khoản mục nói trên và ảnh hưởng nếu có của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Tại thời điểm ngày 31/12/2013, Công ty TNHH Rau tươi Phước Lộc, Nhà máy chế biến rau sạch Lâm Đồng vẫn đang trong giai đoạn tạm ngưng hoạt động và đang tiến hành chào bán thiết bị tài sản, Công ty Cổ phần thực phẩm suất ăn công nghiệp và dịch vụ tổng hợp Phước Lộc kinh doanh không hiệu quả và đang chờ bán cho các đối tác khác. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc thu hồi các khoản đầu tư nói trên và không tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê hàng tồn kho vào ngày 31/12/2013, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có ở đơn vị, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được đúng đắn của số lượng hàng tồn kho tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.17.4 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế khi chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1022-2013-089-1

Trần Đức Cường
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1595-2013-089-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam
Hà Nội, Ngày 20 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		250.653.510.529	253.085.995.747
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		817.496.784	1.972.637.191
111	Tiền	V.1	817.496.784	1.972.637.191
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		52.413.748.911	50.278.141.968
131	Phải thu khách hàng		36.786.806.350	33.457.753.957
132	Trả trước cho người bán		14.935.263.792	16.970.188.874
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		393.471.259	393.471.259
135	Các khoản phải thu khác	V.2	298.207.510	896.727.878
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.3	-	(1.440.000.000)
140	Hàng tồn kho	V.4	194.610.562.363	198.227.679.285
141	Hàng tồn kho		194.610.562.363	198.227.679.285
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.811.702.471	2.607.537.303
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		17.281.322	17.281.322
158	Tài sản ngắn hạn khác	V.5	2.794.421.149	2.590.255.981
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		42.361.871.141	40.566.348.535
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	551.858.893
213	Phải thu dài hạn nội bộ		-	551.858.893
220	Tài sản cố định		23.303.205.936	22.588.704.437
221	Tài sản cố định hữu hình	V.6	22.021.346.246	21.306.844.747
222	Nguyên giá		27.535.197.624	25.835.293.692
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.513.851.378)	(4.528.448.945)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.7	1.281.859.690	1.281.859.690
240	Bất động sản đầu tư	V.8	10.312.953.278	8.680.073.278
241	Nguyên giá		10.895.297.500	9.262.417.500
242	Giá trị hao mòn lũy kế		(582.344.222)	(582.344.222)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.745.711.927	7.745.711.927
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.9	4.893.411.927	4.893.411.927
258	Đầu tư dài hạn khác	V.10	2.852.300.000	2.852.300.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.000.000.000	1.000.000.000
268	Tài sản dài hạn khác		1.000.000.000	1.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		293.015.381.670	293.652.344.282

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		262.086.232.776	262.204.018.018
310	Nợ ngắn hạn		144.847.441.016	144.248.226.258
311	Vay và nợ ngắn hạn	V.11	55.551.701.662	64.957.796.836
312	Phải trả người bán		25.623.735.823	19.867.078.525
313	Người mua trả tiền trước		25.083.403.201	22.859.552.325
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	10.531.977.127	8.938.559.831
315	Phải trả người lao động		212.054.632	126.820.310
316	Chi phí phải trả	V.13	17.901.557.927	20.790.878.917
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.14	9.100.546.944	5.485.241.577
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		842.463.700	1.222.297.937
330	Nợ dài hạn		117.238.791.760	117.955.791.760
333	Phải trả dài hạn khác	V.15	2.983.093.911	2.980.093.911
334	Vay và nợ dài hạn	V.16	114.255.697.849	114.975.697.849
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.929.148.894	31.448.326.264
410	Vốn chủ sở hữu	V.17	30.929.148.894	31.448.326.264
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		27.191.960.000	27.191.960.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		256.995.943	295.322.513
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.480.192.951	3.961.043.751
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		293.015.381.670	293.652.344.282

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Nợ khó đòi đã xử lý		1.735.322.513	948.722.000
2	Ngoại tệ các loại USD		727,45	390,22



Trần Ngọc Trinh
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan
 Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		104.936.915.876	135.735.582.148
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	104.936.915.876	135.735.582.148
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	83.485.990.953	109.058.215.206
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		21.450.924.923	26.677.366.942
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	453.023.819	1.204.752.030
22	Chi phí tài chính	VI.4	4.202.089.539	7.149.459.124
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.122.146.677	7.087.761.220
24	Chi phí bán hàng		-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	11.061.106.981	13.184.793.425
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		6.640.752.222	7.547.866.423
31	Thu nhập khác		566.920.575	183.450.000
32	Chi phí khác		498.007.216	-
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		68.913.359	183.450.000
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		6.709.665.581	7.731.316.423
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.6	1.569.746.724	1.824.866.159
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		5.139.918.857	5.906.450.264



Trần Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	6.709.665.581	7.731.316.423
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.452.773.217	1.202.962.791
Các khoản dự phòng	03	(1.440.000.000)	1.100.000.000
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	04	(185.471.148)	(1.188.893.208)
Chi phí lãi vay	05	4.122.146.677	7.087.761.220
3 Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	10.659.114.327	15.933.147.226
Biến động các khoản phải thu	09	(1.531.173.505)	11.571.596.544
Biến động hàng tồn kho	10	3.617.116.922	(26.073.679.982)
Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	6.941.555.464	13.918.558.304
Biến động chi phí trả trước và khác	12	(204.165.168)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.122.146.677)	(7.087.761.220)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.670.188.108)	(145.557.352)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.666.813.951)	(2.722.682.845)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.026.299.304	5.393.620.675
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản dài hạn	21	(2.143.793.381)	(6.405.897.364)
Tiền thu hồi đầu tư	24	-	1.494.401.208
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	438.023.819	129.592.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.705.769.562)	(4.781.904.156)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	73.191.451.150	103.547.882.333
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(83.317.546.324)	(98.494.209.070)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.349.574.975)	(4.037.716.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.475.670.149)	1.015.957.259
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.155.140.407)	1.627.673.778
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	1.972.637.191	168.317.586.240
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	817.496.784	169.945.260.018



Trần Ngọc Trinh
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Lan
 Kế toán trưởng